

## HOSE 12/06/2014

VNINDEX 573.77 3.41 0.60%

KLGD 96,141,153 CP  
GTGD 1,424.50 Tỷ  
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 113 CP  
CP Giảm giá 89 CP  
CP Đứng giá 102 CP



## HNX 12/6/2014

HNXINDEX 76.29 0.37 0.49%

KLGD 48,034,311 CP  
GTGD 486.21 Tỷ  
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 102 CP  
CP Giảm giá 82 CP  
CP Đứng giá 195 CP



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 616.96 1.44 0.23%  
HNX30 152.93 0.21 0.13%

## Tâm điểm

### ► Tăng điểm với thanh khoản gia tăng dần

### ► Thanh khoản gia tăng dần trên sàn HOSE

Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 1,800 tỷ đồng

### ► 6 tháng đầu năm 2014, Hà Nội thu ngân sách gần 62,500 tỷ đồng

Hà Nội nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về thu ngân sách trong 6 tháng đầu năm  
Tiền Phong

### ► Đưa hàng công nghiệp xuất khẩu đạt trên 90% kim ngạch XK sau năm 2025

Theo Chiến lược phát triển CN Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035  
Người Đồng Hành

### ► Giá gạo tại các nước châu Á diễn biến trái chiều trong tháng 5

Theo thông tin từ Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO)  
DVO/Oryza

### ► NHS: ĐHCĐ thông qua sáp nhập vào BHS theo tỷ lệ hoán đổi 1:1

Được biết, năm 2014, NHS đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 78.9 tỷ đồng  
Công Lý

### ► DIG: Lãi quý 1 tăng nhờ hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính

DIG được hoàn nhập 9.6 tỷ dự phòng tài chính từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn  
Trí Thức Trẻ

## Thị trường / Ngành

### Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,013,033	13.7	3.1	20.7%	11.0%
HNX	122,781	17.3	1.6	7.5%	4.0%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,135,814</b>	<b>16.0</b>	<b>3.0</b>	<b>19.5%</b>	<b>10.3%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,056	5.9	0.9	15.8%	10.7%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,623	7.0	1.5	21.2%	15.4%	
Thép và sản phẩm thép	35,215	19.1	2.0	17.9%	7.7%	
Khai khoáng	11,908	51.9	5.0	1.9%	1.3%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,272	16.7	1.4	11.6%	8.2%	
Xây dựng	27,853	-	39.2	1.0	-4.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,667	5.9	1.3	21.2%	14.6%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,646	12.9	1.4	16.4%	12.5%	
Lốp xe	6,746	8.2	2.2	29.1%	12.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	15,157	9.3	1.2	14.5%	6.4%	
Thực phẩm	199,826	22.8	4.7	21.1%	16.3%	
Dược phẩm	14,992	11.9	3.1	25.4%	16.8%	
Phần mềm	16,296	10.0	2.1	22.1%	9.6%	
Sản xuất & phân phối điện	25,082	-	6.7	1.2	-4.6%	3.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	208,749	17.5	5.6	33.0%	22.1%	
Bảo hiểm nhân thọ	26,947	21.9	2.2	10.0%	2.3%	
Môi giới chứng khoán	24,285	13.1	1.3	8.3%	6.3%	
Ngân hàng	243,415	11.0	1.2	11.1%	0.9%	
Bất động sản	132,961	11.3	2.4	27.8%	6.9%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,415	9.5	1.9	20.5%	8.4%	

## Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**6 tháng đầu năm 2014, Hà Nội thu ngân sách gần 62,500 tỷ đồng**

**Đưa hàng công nghiệp xuất khẩu đạt trên 90% kim ngạch XK sau năm 2025**

**Giá gạo tại các nước châu Á diễn biến trái chiều trong tháng 5**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**NHS: ĐHĐCĐ thông qua sáp nhập vào BHS theo tỷ lệ hoán đổi 1:1**

**DIG: Lãi quý 1 tăng nhờ hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính**

**VHC: Phát hành 197,790 cp ESOP đợt 3**

## ► Tin kinh tế

Theo báo cáo của Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội, 6 tháng đầu năm, ước tính thu ngân sách trên địa bàn thành phố đạt 62,446,16 tỷ đồng, bằng 49.5% dự toán và tăng 5.3% so với cùng kỳ năm ngoái. Ước tính, chi ngân sách địa phương của Hà Nội trong 6 tháng đầu năm nay là 21,023.53 tỷ đồng, đạt 45.2% dự toán năm. Trong 6 tháng cuối năm, Hà Nội sẽ tập trung đẩy mạnh thu ngân sách. Theo đó, thành phố sẽ tăng cường về quản lý thu, chống thất thu ngân sách và xử lý nợ đọng thuế. Đồng thời, điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

Theo Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 được phê duyệt ngày 9/6, Chính phủ đặt mục tiêu đưa tỷ trọng hàng công nghiệp xuất khẩu đạt 85%-88% tổng kim ngạch xuất khẩu vào năm 2025 và đạt trên 90% sau năm 2025. Chiến lược này được đưa ra nhằm phát triển ngành công nghiệp trên cơ sở huy động hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế; phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên, khai thác các lợi thế sẵn có; gắn kết sản xuất với dịch vụ và thương mại, tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản xuất của thế giới. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là đến năm 2025, công nghiệp Việt Nam phát triển với cơ cấu hợp lý, có khả năng cạnh tranh trong hội nhập, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở một số lĩnh vực, đáp ứng cơ bản các yêu cầu của nền kinh tế.

Theo Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO), giá gạo tại các nước châu Á trong tháng 4 có nhiều diễn biến trái chiều. Trong khi giá gạo tại Campuchia, Indonesia và Bangladesh giảm mạnh thì giá gạo tại Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam và Philippines lại tăng. Giá gạo tại Myanmar tương đối ổn định. Theo FAO, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam, Ấn Độ, Pakistan và Uruguay tăng trong tháng 5/2014. Tuy nhiên, giá gạo xuất khẩu của Thái Lan tiếp tục giảm do chính phủ tiếp tục bán ra lượng gạo dự trữ.

## ► Tin doanh nghiệp

Ngày 12/06/2014, CTCP Đường Ninh Hòa (HOSE: NHS) đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2014 tại Khánh Hòa. Đại hội đã thông qua phương án sáp nhập CTCP Đường Ninh Hòa (NHS) vào CTCP Đường Biên Hòa (BHS) với tỷ lệ đồng ý 99.97%. Theo đó, BHS sẽ sở hữu 100% NHS theo phương thức phát hành thêm cổ phiếu BHS để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu NHS đang lưu hành theo tỷ lệ 1:1. Về kế hoạch kinh doanh năm 2014, NHS đặt mục tiêu tiêu thụ khoảng 66,992 tấn đường, doanh thu đạt 1,107.5 tỷ và lợi nhuận trước thuế 78.9 tỷ đồng. Riêng trong quý 1-2014, NHS đã đạt 388 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng hơn 36% so với cùng kỳ năm trước và 24.4 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng trên 2% so với cùng kỳ năm 2013.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (HOSE: DIG) công bố giải trình BCTC quý 1/2014 hợp nhất. Doanh thu thuần quý 1/2014 đạt 183 tỷ - tăng 3.8% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, doanh thu kinh doanh hàng hóa giảm 22.6% còn 65.5 tỷ, doanh thu kinh doanh bất động sản cũng giảm 24.3% còn 40.7 tỷ. Bù lại, mảng xây lắp tăng tới 194.6% lên 59.5 tỷ. Tỷ lệ giá vốn/doanh thu tăng lên mức 78% khiến cho lợi nhuận gộp giảm gần 10%. Điểm thuận lợi nhất của DIG trong quý này là khoản 7 tỷ hoàn nhập chi phí tài chính. Chi phí lãi vay quý này của doanh nghiệp chỉ còn 2.7 tỷ - thấp hơn nhiều so với 6 tỷ trong quý 1/2013. Doanh nghiệp được hoàn nhập 9.6 tỷ dự phòng tài chính từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Những yếu tố này góp phần giúp cho lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp đạt gần 16 tỷ trong quý 1/2014 - tăng hơn 3 lần so với quý 1/2013.

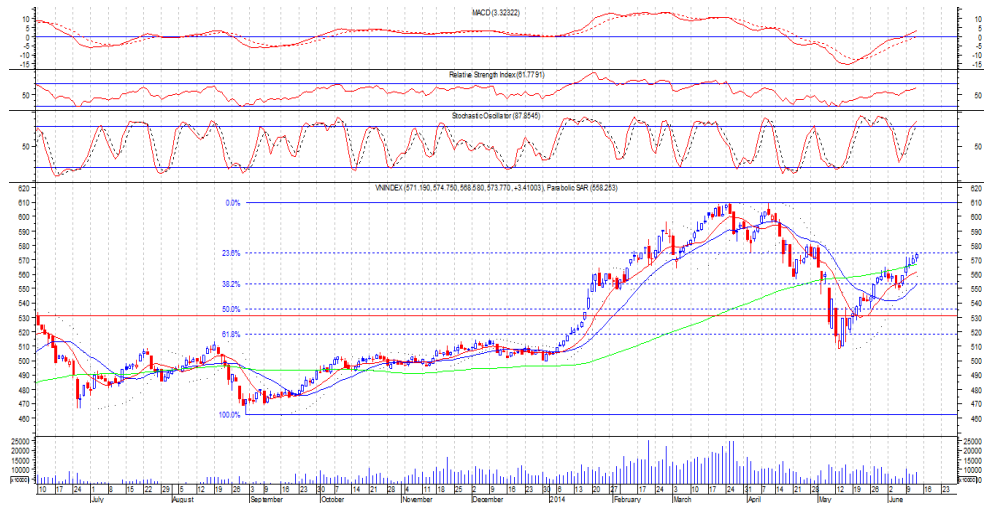
CTCP Vĩnh Hoàn (HOSE: VHC) dự kiến phát hành 197,790 cổ phiếu đợt 3 theo chương trình lựa chọn người lao động ESOP, chiếm 0.33% số cổ phần đang lưu hành. Toàn bộ cổ phiếu ESOP phát hành thêm trong đợt 3 đều bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 5 năm, mỗi năm kể từ thời điểm phát hành cổ phiếu trong chương trình ESOP sẽ được chuyển nhượng 20%. Trong đợt phát hành này, VHC cho biết nguồn ngân sách chính hỗ trợ cho chương trình sẽ lấy từ lợi nhuận giữ lại năm 2008.

**HOSE** 12/06/2014 VNINDEX 573.77 3.41 0.60% 96,141,153 CP 1,424.50 bil VND

### Tăng điểm với thanh khoản gia tăng dần

VN-Index tăng 3.41 điểm (+0.60%), đóng cửa tại mức 573.77 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, chỉ số này tiếp tục tăng điểm nhẹ.

- MACD sau khi cắt lên đường zero - base, tiếp tục gia tăng, cho thấy xu hướng tăng điểm vẫn được duy trì.
- Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi vào vùng quá mua.
- RSI (14) gia tăng nhẹ lên mức 61.
- VN-Index đang hướng tới vùng kháng cự 580 điểm.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0 (0.0%)	11,353,040
ITA	0 (0.0%)	4,496,930
SAM	0.6 (6.7%)	3,717,090
TLH	0.4 (4.9%)	3,248,830
SSI	0.1 (0.4%)	3,201,240

### HOSE Top 5 theo % tăng

KHA	1.3 (6.8%)	150
LGC	1.3 (6.8%)	1,000
TSC	1.8 (6.8%)	107,270
SAM	0.6 (6.7%)	3,717,090
SAV	1 (6.7%)	1,520

### HOSE Top 5 theo % giảm

HTL	-1.3 (-7.0%)	1,200
HHS	-2.1 (-7.0%)	33,720
C21	-1.4 (-6.9%)	10
LM8	-1.5 (-6.8%)	280
SII	-1.2 (-6.7%)	1,170

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GAS	14,7 tỷ	137,560
STB	11,1 tỷ	535,450
HT1	8,4 tỷ	576,530
CSM	7,0 tỷ	181,150
PET	6,2 tỷ	387,600

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-14,1 tỷ	578,780
DPM	-5,2 tỷ	159,320
VIC	-3,7 tỷ	56,700
EIB	-3,2 tỷ	235,440
KDC	-1,0 tỷ	16,480

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	4,342,770	0.00

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giảm cơ nhẹ ở đầu phiên sáng, tuy nhiên lực cầu tăng dần về cuối phiên. VN-Index dù không tăng thực sự mạnh nhưng đã tăng lan rộng là một tín hiệu tích cực.
- ▶ KLGD tiếp tục gia tăng nhẹ và đạt 90 triệu đơn vị. Dù tăng chưa mạnh nhưng việc khối lượng tiếp tục gia tăng dần là một tín hiệu tích cực đối với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 75 tỷ trong phiên hôm nay. Chưa có nhiều lo ngại về việc bán ròng này của TT.
- ▶ VN-Index đang hướng tới vùng kháng cự 580 điểm. Việc điểm số và thanh khoản gia tăng dần là một tín hiệu rất tích cực cho thị trường.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, nhóm cổ phiếu chứng khoán được ưu tiên. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	108.0	204,660.00	18.0	5.7	33.4%	22.6%
VNM	833.4	123.0	102,512.79	15.9	5.4	36.4%	29.1%
MSN	734.9	99.0	72,756.22	217.2	4.9	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	29.8	69,059.03	15.3	1.5	10.4%	1.0%
VIC	894.2	65.0	58,125.63	7.9	3.8	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.0	1.2	14.2%	0.8%
BVH	680.5	39.6	26,946.67	21.9	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	49.9	24,047.22	10.2	2.3	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.7	23,649.99	10.9	1.4	13.5%	1.3%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.8	2,977.28	12.9	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	47.1	16,197.42	9.9	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.6	2,099.22	14.4	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.5	3,115.28	8.2	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.8	716.85	5.2	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.6	513.55	1.9	0.8	NA	TH.DOI

**HNX** 12/06/2014 HNX-Index 76.29 0.37 0.49% 48,034,311 CP 486.21 bil. VND

### Tăng điểm với thanh khoản gia tăng dần

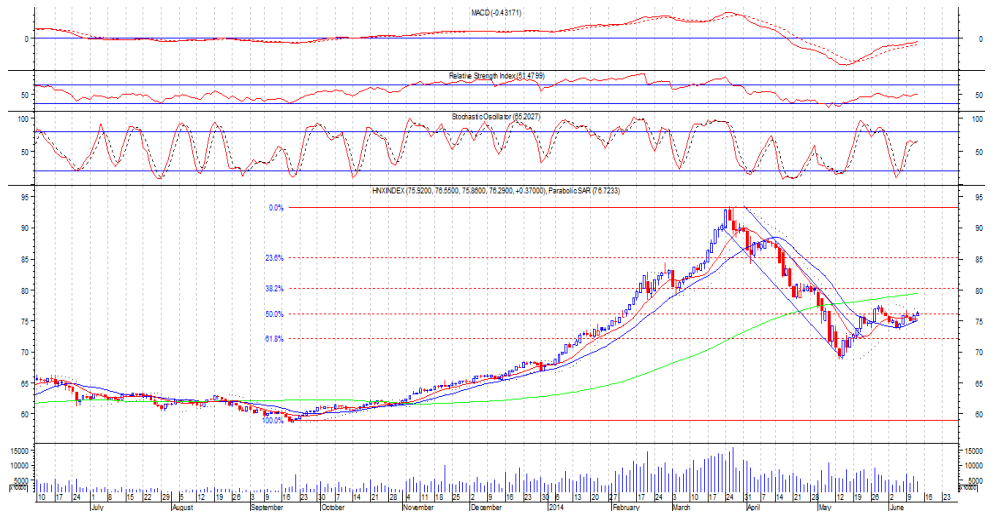
Chỉ số HNX-Index tăng 0.37 điểm (+0.49%), đóng cửa tại mốc 76.29 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh thân ngắn.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn đang thể hiện sự lưỡng lự tương tự như chỉ số HNX-Index.

- MACD đi ngang và vẫn chưa cắt đường zero - base.

- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 51.

- HNX-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy ở vùng Fb 50% và MA20.



### HNX Top 5 theo KLGD

SCR	0.2 (2.4%)	7,072,360
FIT	0.8 (5.6%)	3,756,490
SHB	-0.1 (-1.1%)	3,545,550
KLF	-0.3 (-2.7%)	3,464,500
PVX	0.1 (2.4%)	3,446,720

### HNX Top 5 theo % tăng

BKC	0.9 (10.0%)	200
PPE	0.3 (10.0%)	6,900
QNC	0.6 (10.0%)	5,100
THS	0.9 (10.0%)	100
PVB	2.4 (10.0%)	9,300

### HNX Top 5 theo % giảm

VTC	-0.5 (-10.0%)	3,040
BTH	-0.4 (-9.8%)	100
TKU	-1.2 (-9.5%)	3,800
SJC	-0.9 (-9.2%)	12,500
ECI	-1.9 (-9.1%)	100

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

VND	8,2 tỷ	541,200
PVS	5,4 tỷ	202,600
BVS	3,9 tỷ	305,500
KLS	1,2 tỷ	102,800
SHB	0,6 tỷ	68,900

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VNR	-0,5 tỷ	19,400
PVG	-0,3 tỷ	30,000
EBS	-0,2 tỷ	24,500
PGS	-0,1 tỷ	3,500
LTC	0,0 tỷ	2,800

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,410,200	0.00

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giảm cơ nhẹ ở đầu phiên sáng, tuy nhiên lực cầu tăng dần về cuối phiên. HNX-Index dù không tăng thực sự mạnh nhưng đã tăng lan rộng là một tín hiệu tích cực.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 45 triệu đơn vị. Điều này cho thấy tâm lý NĐT sản này vẫn đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 20 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại gia tăng lượng mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường.
- ▶ Chúng tôi cho rằng HNX-Index vẫn đang nhịp tích lũy vùng 74 - 76 điểm. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt thì kỳ vọng HNX-Index bứt phá vùng này sẽ lớn dần.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, nhóm cổ phiếu chứng khoán được ưu tiên. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.6	14,192.58	18.7	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.9	12,016.24	7.9	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	10.1	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	13.0	5,742.24	12.9	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.5	5,100.00	35.9	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.6	4,192.70	14.8	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	40.7	3,167.76	7.1	2.2	33.5%	17.5%
NTP	56.3	53.0	2,985.99	10.2	2.3	23.8%	16.0%
VNR	100.8	26.6	2,682.02	7.4	1.1	14.5%	7.0%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.1	1,067.80	6.8	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.6	368.28	7.1	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.2	1,473.43	10.4	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.0	2,985.99	10.2	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.9	795.00	9.1	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.5	295.31	6.0	1.4	NA	TH.DOI

**FTSE Vietnam (UCITS ETF)**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	15.35%	99.0	217.21	4.87	175,367	148,814	329,272
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	14.46%	65.0	7.88	3.77	172,534	222,542	517,779
HPG	HOSE	481.9	24,047.22	11.74%	49.9	10.18	2.34	266,937	424,368	790,806
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	8.68%	83.0	10.72	2.22	222,343	230,230	450,086
DPM	HOSE	379.9	12,233.88	8.01%	32.2	6.48	1.40	857,715	1,032,216	1,443,907
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	7.98%	24.3	14.49	1.33	2,203,362	2,656,759	3,586,140
VCB	HOSE	2,317.4	69,059.03	6.11%	29.8	15.31	1.53	290,931	438,154	752,718
STB	HOSE	1,142.5	23,649.99	4.13%	20.7	10.86	1.44	1,949,507	1,681,308	1,183,112
BVH	HOSE	680.5	26,946.67	3.08%	39.6	21.87	2.15	205,212	353,186	475,663
ITA	HOSE	718.0	5,744.05	2.71%	8.0	101.18	0.74	3,828,558	5,074,364	8,215,434
HSG	HOSE	96.3	4,141.46	2.68%	43.0	10.44	1.85	68,078	135,474	199,169
GMD	HOSE	114.4	3,798.80	2.26%	33.2	123.17	0.84	322,696	329,748	375,333
PPC	HOSE	318.2	6,553.99	2.03%	20.6	7.25	1.17	249,702	370,397	768,478
VSH	HOSE	206.2	3,382.36	1.74%	16.4	15.94	1.28	241,527	334,594	736,879
CSM	HOSE	67.3	2,610.93	1.64%	38.8	7.37	2.11	278,307	282,756	512,303
KBC	HOSE	389.8	4,170.43	1.48%	10.7	24.31	0.83	691,057	723,893	1,080,870
DRC	HOSE	83.1	3,555.56	1.33%	42.8	9.35	2.44	110,777	130,836	303,459
PVT	HOSE	232.6	2,977.28	1.18%	12.8	12.90	1.09	411,533	564,836	1,258,818
DIG	HOSE	143.0	2,416.63	1.01%	16.9	44.84	1.01	271,752	253,470	555,823
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	0.91%	11.2	48.12	1.02	1,097,287	1,400,705	2,915,644
PET	HOSE	69.8	1,117.47	0.87%	16.0	7.04	0.84	354,202	382,576	633,107

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

**Market Vectors Vietnam ETF**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,016.24	5.37%	26.9	7.88	1.40	1,419,564	1,429,312	2,690,940
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	8.00%	65.0	7.88	3.77	172,534	222,542	517,779
VCB	HOSE	2,317.4	69,059.03	7.00%	29.8	15.31	1.53	290,931	438,154	752,718
BVH	HOSE	680.5	26,946.67	6.50%	39.6	21.87	2.15	205,212	353,186	475,663
DPM	HOSE	379.9	12,233.88	5.79%	32.2	6.48	1.40	857,715	1,032,216	1,443,907
STB	HOSE	1,142.5	23,649.99	4.26%	20.7	10.86	1.44	1,949,507	1,681,308	1,183,112
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	3.22%	83.0	10.72	2.22	222,343	230,230	450,086
ITA	HOSE	718.0	5,744.05	3.73%	8.0	101.18	0.74	3,828,558	5,074,364	8,215,434
SHB	HNX	886.1	8,063.36	2.86%	9.1	10.09	0.77	3,838,121	5,475,427	8,625,684
PPC	HOSE	318.2	6,553.99	1.58%	20.6	7.25	1.17	249,702	370,397	768,478
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	2.33%	11.2	48.12	1.02	1,097,287	1,400,705	2,915,644
GMD	HOSE	114.4	3,798.80	1.62%	33.2	123.17	0.84	322,696	329,748	375,333
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	8.00%	99.0	217.21	4.87	175,367	148,814	329,272
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	2.83%	24.3	14.49	1.33	2,203,362	2,656,759	3,586,140
DRC	HOSE	83.1	3,555.56	1.28%	42.8	9.35	2.44	110,777	130,836	303,459
VCG	HNX	441.7	5,742.24	3.58%	13.0	12.87	1.03	1,635,600	2,137,809	2,667,643
PVT	HOSE	232.6	2,977.28	2.05%	12.8	12.90	1.09	411,533	564,836	1,258,818

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	0.00%	65.0	7.88	3.77	172,534	222,542	517,779
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	0.00%	99.0	217.21	4.87	175,367	148,814	329,272
DPM	HOSE	379.9	12,233.88	0.00%	32.2	6.48	1.40	857,715	1,032,216	1,443,907
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	0.00%	24.3	14.49	1.33	2,203,362	2,656,759	3,586,140
VCB	HOSE	2,317.4	69,059.03	0.00%	29.8	15.31	1.53	290,931	438,154	752,718
STB	HOSE	1,142.5	23,649.99	0.00%	20.7	10.86	1.44	1,949,507	1,681,308	1,183,112
BVH	HOSE	680.5	26,946.67	0.00%	39.6	21.87	2.15	205,212	353,186	475,663
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	8.58	0.98	205,439	318,026	709,733
GAS	HOSE	1,895.0	204,660.00	0.00%	108.0	18.03	5.71	461,474	437,016	438,616

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	0.81%	99.0	217.21	4.87	175,367	148,814	329,272
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	0.55%	65.0	7.88	3.77	172,534	222,542	517,779
DPM	HOSE	379.9	12,233.88	0.26%	32.2	6.48	1.40	857,715	1,032,216	1,443,907
VCB	HOSE	2,317.4	69,059.03	0.20%	29.8	15.31	1.53	290,931	438,154	752,718
STB	HOSE	1,142.5	23,649.99	0.14%	20.7	10.86	1.44	1,949,507	1,681,308	1,183,112
BVH	HOSE	680.5	26,946.67	0.10%	39.6	21.87	2.15	205,212	353,186	475,663

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,056	5.9	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,623	7.0	1.5	21.2%	15.4%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,743	21.2	0.7	3.1%	2.1%
Sản xuất giấy	743	7.6	0.8	11.3%	5.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,215	19.1	2.0	17.9%	7.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,615	4.1	0.7	18.3%	3.8%
Khai khoáng	11,908	51.9	5.0	1.9%	1.3%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,272	16.7	1.4	11.6%	8.2%
Xây dựng	27,853	-	39.2	-4.2%	1.5%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	1,994	6.9	1.0	17.1%	9.0%
Công nghiệp phức hợp	704	3.4	0.8	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,690	9.6	0.9	7.8%	3.9%
Thiết bị điện	1,571	-	15.2	-0.9%	-1.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,667	5.9	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,029	-	1.5	2.2%	-0.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,646	12.9	1.4	16.4%	12.5%
Dịch vụ vận tải	5,802	8.5	1.5	18.1%	11.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,009	10.3	1.3	12.9%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	200	9.5	0.6	8.3%	2.7%
Nhà cung cấp thiết bị	176	8.1	0.8	10.5%	4.7%
Chất thải & Môi trường	156	2.4	0.7	35.2%	17.0%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,983	11.2	1.6	13.7%	8.1%
Lốp xe	6,746	8.2	2.2	29.1%	12.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,777	6.9	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	318	11.8	2.0	19.2%	11.9%
Đồ uống & giải khát	267	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,157	9.3	1.2	14.5%	6.4%
Thực phẩm	199,826	22.8	4.7	21.1%	16.3%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	49	39.0	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,076	8.0	0.9	12.6%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	135	7.6	1.2	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,970	8.2	1.4	17.8%	7.0%
Giày dép	8	-	1.1	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,808	8.8	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	702	-	8.4	-0.1%	4.2%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		813	14.6	0.8	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		138	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		175	8.3	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		14,992	11.9	3.1	25.4%	16.8%
<b>Bán lẻ</b>						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		764	13.7	1.2	13.0%	8.5%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,028	8.2	1.3	14.6%	3.2%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,023	8.2	0.9	12.1%	8.0%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		168	7.4	3.2	52.7%	27.1%
Khách sạn		5,808	36.4	2.6	6.0%	3.2%
Dịch vụ giải trí		2,153	27.1	1.3	14.8%	12.5%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,150	21.4	1.9	15.5%	13.8%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		504	20.0	0.6	3.2%	1.2%
Internet		281	59.3	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm		16,296	10.0	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		414	14.9	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		273	5.3	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		1,959	13.2	0.6	5.1%	3.7%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		25,082	-	6.7	-4.6%	3.4%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		208,749	17.5	5.6	33.0%	22.1%
Nước		1,167	6.3	1.0	16.7%	11.1%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,186	5.3	0.8	15.1%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,206	11.7	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,622	7.4	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		26,947	21.9	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,270	48.1	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		24,285	13.1	1.3	8.3%	6.3%
Ngân hàng						
Ngân hàng		243,415	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		132,961	11.3	2.4	27.8%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		6	10.7	0.6	5.5%	2.5%
<b>Dầu khí</b>						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		36,415	9.5	1.9	20.5%	8.4%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.